



duō cái duō yì

多才多艺

idiom · versatile; multi-talented

Example Sentence

wǒ de jiě jie duō cái duō yì jì huì tán gāng qín yòu huì huà huà
我的姐姐多才多艺，既会弹钢琴又会画画。

My older sister is versatile; she can both play the piano and paint.

Trace each character, then write the word on your own.

多	多	多	多	多	多	多	多	多		
才	才	才	才	才	才					
多	多	多	多	多	多	多	多	多		
艺	艺	艺	艺	艺	艺	艺				